

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐBP
TỈNH ĐB**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/HSST
Ngày: 16-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐBP, TỈNH ĐB**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị H1 Minh
2. Ông Lý A Hợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Th2 Huyền, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb tham gia phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Thắng - Kiểm sát viên;

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb; Tòa án nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2017/HSST ngày 16/6/2017 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Hoàng KA Tên gọi khác: Hoàng KO;
Sinh ngày 01 tháng 6 năm 1984, tại S, L;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã DT, huyện ĐA, thành phố H;
Nơi cư trú: Số nhà 135, tổ dân phố 09, phường M, thành phố Đbp, tỉnh Đb;
Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh;
Con ông Hoàng X Vụ và bà Tăng Thị Tâm;
Ch1: Nguyễn Đình Du; Con: Có 3 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2009;

Tiền sự: Không; Tiền án: Có một tiền án về tội Trộm cắp tài sản;
Bị tạm giữ từ ngày 03 tháng 4 năm 2017, sau đó bị tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. Bị cáo Đình Thị N Tên gọi khác: Đình Thị V;
Sinh ngày 22 tháng 6 năm 1968, tại H;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố H;
Nơi cư trú: Số nhà 259, tổ dân phố 09, phường TT, thành phố Đbp, tỉnh Đb;
Nghề nghiệp: Làm tóc; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh;
Con ông Đình Văn Đậu và bà Vũ Thị Chí;
Ch1: Bùi Quang N; Con: Có 2 con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1993;

Tiền sự: Không; Tiền án: Không;
Bị tạm giữ từ ngày 03 tháng 4 năm 2017, sau đó bị tạm giam cho đến nay; có mặt.

3. Bị cáo Hoàng Thị Ph2 Th Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 12 tháng 10 năm 1975, tại Đb;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Số nhà 65, tổ dân phố 10, phường N, thành phố Đbp, tỉnh Đb;
Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh;
Con ông Hoàng H1 Phong và bà Đồng Thị Minh;
Ch1: Đỗ Tiến H; Con: Có 3 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2013;

Tiền sự: Không; Tiền án: Không;
Bị tạm giữ từ ngày 03 tháng 4 năm 2017, sau đó bị tạm giam cho đến nay; có mặt;

4. Bị cáo Trần Thị Tr Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 26 tháng 8 năm 1961, tại NĐ;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 20, phường M, thành phố Đbp, tỉnh Đb;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, phường Thanh Tr, thành phố Đbp, tỉnh Đb;
Nghề nghiệp: Nghỉ hưu; Trình độ văn hóa: 7/10 ; Dân tộc: Kinh;
Con ông Trần Văn Thọ và bà Hà Thị V;
Ch1: Chu Văn Ngà; Con: Có 01 con sinh năm 1987;
Tiền sự: Không; Tiền án: Không;
Bị tạm giữ từ ngày 03 tháng 4 năm 2017, đến ngày 11/4/2017 được áp dụng biện pháp cho Bảo lãnh cho đến nay; có mặt.

5. Bị cáo Phạm Thu T Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 18 tháng 7 năm 1976, tại Đb;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 10, phường N, thành phố Đbp, tỉnh Đb;
Nơi cư trú: Số nhà 78, tổ dân phố 13, phường N, thành phố Đbp, tỉnh Đb;
Nghề nghiệp: Cắt tóc; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh;
Con ông Phạm Trọng Tiến và bà Giang Thị Liễu;
Ch1: Phan Văn Công; Con: Có 2 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2010;

Tiền sự: Không; tiền án: Không;
Bị tạm giữ từ ngày 03 tháng 4 năm 2017, sau đó bị tạm giam cho đến nay; có mặt.

6. Bị cáo Nguyễn Thị Thanh X Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 22 tháng 02 năm 1966, tại Đb;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tổ dân phố 18, phường H, thành phố Đbp, tỉnh Đb;
Nghề nghiệp: Đã nghỉ chế độ; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh;
Con ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Nguyễn Thị Cúc;

Ch1, con: Không;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Không;

Bị bắt tạm giữ từ ngày 03 tháng 4 năm 2017, sau đó bị tạm giam cho đến; có mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Lưu Thị H; sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố 03, phường TT, thành phố Đbp, tỉnh Đb; vắng mặt;

2. Lưu Thị H1; sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố 03, phường TT, thành phố Đbp, tỉnh Đb; vắng mặt;

3. Lê Thị H2; sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường H, thành phố Đbp, tỉnh Đb; vắng mặt;

4. Lưu Thị P; sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố 20, phường M, thành phố Đbp, tỉnh Đb; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 8 giờ ngày 03/4/2017, Đinh Thị N và Hoàng Thị Ph2 Th đến nhà bố mẹ KA (ở số 135, tổ dân phố 09, phường M, thành phố Đbp, tỉnh Đb). N rủ KA đánh bạc qua mạng ăn tiền, KA đồng ý và cả ba lên gác xếp trên tầng 2 nhà nhà bố mẹ KA. KA có 5.000.000 đồng, N có 3.600.000 đồng, Th có 3.690.000 đồng để đánh bạc. KA mở máy tính xách tay, vào mạng internet, nhập mật khẩu và tài khoản mình đã lập từ trước đó để chơi xóc đĩa, hình thức chơi: Màn hình máy tính hiển thị một cô gái, trước mặt có một chiếc bát và một chiếc đĩa. Trên đĩa có 04 quân hình tròn có một mặt đỏ và một mặt trắng. Cô gái úp bát vào đĩa và xóc, rồi để đĩa vẫn úp bát xuống bàn trong 40 giây để người chơi đặt chặn hoặc lẻ. Chặn là 02 quân mặt trắng, 02 quân mặt đỏ hoặc 04 quân đều trắng hoặc đỏ. Lẻ là có 01 quân khác màu với 03 quân còn lại trên đĩa. Trong mỗi ván chơi, người chơi có thể đặt chặn hoặc lẻ với tỷ lệ 01 điểm = 50.000 đồng. Nếu người chơi đặt chặn mà kết quả xóc đĩa là lẻ là thua hoặc ngược lại. Nếu kết quả trùng với lựa chọn của người đặt là thắng. KA cân đối điểm của người đặt để tích điểm từ tài khoản của mình vào máy tính. Hết thời gian 40 giây, cô gái trong máy tính sẽ mở bát. KA sẽ lấy tiền của người thua trả cho người thắng. Nếu người thắng đặt nhiều hơn người thua, thì sau khi lấy tiền của người thua trả cho người thắng, KA sẽ lấy tiền của mình ra trả cho người thắng số còn thiếu. Nếu người thua đặt nhiều hơn người thắng, thì sau khi lấy tiền của người thua trả cho người thắng, số thừa còn lại là của KA. Nếu mọi người cùng đặt chặn mà về lẻ, thì KA được hết số tiền mọi người đã đặt và ngược lại, nếu mọi người cùng đặt chặn mà về chặn thì KA trả tiền cho tất cả mọi người đã đặt. Người chơi đặt từ 3 điểm trở lên, khi thắng KA thu phí 10.000 đồng, từ 10 điểm trở lên thu phí 20.000 đồng. Số điểm thắng

thua từng ván máy sẽ tự động tính.

Cả ba chơi đến khoảng 8 giờ 30 phút cùng ngày thì Trần Thị Tr đến và bỏ ra 850.000 đồng để cùng chơi. Đến 09 giờ cùng ngày thì Phạm Thu T đến và bỏ ra 3.550.000 đồng để cùng chơi; khoảng 10 phút sau thì Nguyễn Thị Thanh X đến bỏ ra 500.000 đồng để cùng chơi. 06 người chơi đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an thành phố Đbp phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiều bạc 10.430.000 đồng và một máy vi tính xách tay hiệu ASUS màu đen kèm sạc và chuột máy tính. Thu giữ của Th 2.530.000 đồng, Tr 650.000 đồng, T 1.930.000 đồng, N 1.170.000 đồng, X 480.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc. Ngoài ra còn tạm giữ của X 4.208.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố. Hành vi nói trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc.

2. Các vấn đề khác: Ngoài số tiền đã thu giữ, Cơ quan điều tra còn tạm giữ của X 4.208.000 đồng; tạm giữ của mỗi bị cáo một điện thoại di động, hai tờ giấy trắng có dòng kẻ, hai bút bi.

3. Bản cáo trạng số 27/QĐ-VKS-HS ngày 15/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb truy tố các bị cáo Hoàng KA, Đinh Thị N, Hoàng Thị Ph2 Th, Trần Thị Tr, Phạm Thu T, Nguyễn Thị Thanh X về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20 BLHS; xử phạt bị cáo Hoàng KA từ 09 đến 12 tháng tù về tội Đánh bạc;

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20 BLHS; xử phạt bị cáo Đinh Thị N từ 07 đến 09 tháng tù về tội Đánh bạc;

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 20 BLHS; xử phạt Hoàng Thị Ph2 Th từ 07 đến 09 tháng tù về tội Đánh bạc;

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20 BLHS; xử phạt bị cáo Trần Thị Tr từ 05 đến 07 tháng tù về tội Đánh bạc;

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 và khoản 2, Điều 20, Điều 46 BLHS: Xử phạt Phạm Thu T từ 05 đến 07 tháng tù về tội Đánh bạc;

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20 BLHS; xử phạt Nguyễn Thị Thanh X từ 05 đến 07 tháng tù về tội Đánh bạc;

Về vật chứng vụ án, đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo đều có ý kiến, bản thân đã nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về nhà.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đbp, tỉnh Đb, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo Hoàng KA, Đinh Thị N, Hoàng Thị Ph2 Th, Trần Thị Tr, Phạm Thu T, Nguyễn Thị Thanh X đều khai nhận hành vi cùng nhau chơi xóc đĩa, tính chẵn lẻ để phân thắng hay thua, sau đó người thua trả tiền cho người thắng vào ngày 03/4/2017 tại số nhà 135, tổ dân phố 09, phường M, thành phố Đbp, tỉnh Đb như bản cáo trạng đã nêu. Tổng số tiền 06 bị cáo dùng để đánh bạc là 17.190.000 đồng. Lời khai của các bị cáo, của những người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999 thì: "*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm*". Hành vi nói trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc. Các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công từ trước nên vụ án không có tính tổ chức; sự đồng phạm mang tính chất giản đơn, trong đó: KA là người có vai trò chính, các bị cáo khác đều là những cùng nhau tham gia việc đánh bạc.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo Tr, X và T phạm tội lần đầu thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo KA, T và Th có bố, mẹ được Chủ tịch nước tặng thưởng huân huy ch2 trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ

quốc. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 2 Điều 46 BLHS cần được áp dụng tương ứng đối với từng bị cáo.

Bị cáo Th năm 2016 bị xử phạt tiền về tội Đánh bạc; bị cáo N năm 2010 đã bị xử phạt tù cho hưởng án treo về tội Chứa mại dâm. Mặc dù đã được xóa án tích nhưng các bị cáo này không được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu.

Các tình tiết tăng nặng: Bị cáo KA đã một lần bị xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc theo bản án hình sự sơ thẩm số 20/2008/HSST ngày 27/11/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đb, tỉnh Đb, thi hành xong hình phạt và án phí năm 2009. Một lần bị xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án hình sự sơ thẩm số 62/2014/HSST ngày 30/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; ngày 04/10/2015 chấp hành xong hình phạt tù. Tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích đối với bản án sau, nên pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *Tái phạm* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Loại hình phạt đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo KA, N, Th là phù hợp; trong đó bị cáo KA pH chịu hình phạt phạt cao hơn. Các bị cáo Tr, T, X có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Các bị cáo N, Th, T, X đã bị tạm giam trong thời gian dài, không cần thiết pH tiếp tục cách ly khỏi xã hội, thể hiện chính sách pháp luật khn h1 của Đảng và nhà nước ta đối với người phạm tội.

Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 248 BLHS: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng.*". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy: Các bị cáo đa số là không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, một số ít là đã nghỉ chế độ. Do đó HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 3 Điều 31 BLHS.

[4] Về vật chứng vụ án: Máy tính xách tay của KA dùng làm công cụ đánh bạc, số tiền 17.190.000 đồng thu tại chiếu bạc và của các bị cáo là tiền dùng vào việc đánh bạc tịch thu xung công quỹ nhà nước theo quy định tại Điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS.

[5] Các vấn đề khác: Bố mẹ KA không biết việc các bị cáo đánh bạc tại nhà mình và một số điện thoại, giấy tờ bị tạm giữ Cơ quan điều tra đã trả cho các bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội, nên HĐXX không đề cập xử lý. Số tiền 4.208.000 đồng đã tạm giữ của X, là tiền bị cáo ứng trước để nấu ăn cho công nhân, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

[6] Án phí: Các bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng KA (*tên gọi khác: Hoàng KO*), Đinh Thị N (*tên gọi khác: Đinh Thị V*), Hoàng Thị Ph2 Th, Trần Thị Tr, Phạm Thu T và Nguyễn Thị Thanh X phạm tội "Đánh bạc".

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20 BLHS; xử phạt bị cáo Hoàng KA 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (*ngày 03 tháng 4 năm 2017*). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20 BLHS và khoản 5 Điều 227 BLTTHS; xử phạt bị cáo Đinh Thị N 04 (*bốn*) tháng 16 (*mười sáu*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (*ngày 03 tháng 4 năm 2017*); đến ngày xét xử sơ thẩm 16/8/2017 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, trả tự do cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ về tội khác.

1.3 Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 20 BLHS, khoản 5 Điều 227 BLTTHS; xử phạt bị cáo Hoàng Thị Ph2 Th 04 (*bốn*) tháng 16 (*mười sáu*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (*ngày 03 tháng 4 năm 2017*). Đến ngày xét xử sơ thẩm bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, trả tự do cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ về tội khác.

1.4 Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h và điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 31 BLHS; xử phạt bị cáo Trần Thị Tr 13 (*mười ba*) tháng 18 (*mười tám*) ngày cải tạo không giam giữ; khấu trừ cho bị cáo 09 ngày bị tạm giữ (*từ ngày 03/4/2017 đến ngày 11/4/2017*); quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn pH thi hành 12 (*mười hai*) tháng 21 (*hai mươi mốt*) ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo Trần Thị Tr cho Ủy ban nhân dân phường Thanh Tr, thành phố Đbp, tỉnh Đb giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Thanh Tr trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường Thanh Tr, thành phố Đbp, tỉnh Đb nhận được quyết định thi hành án.

1.5 Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h và điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31, Điều 20 BLHS và khoản 3 Điều 227 BLTTHS; xử phạt bị cáo Phạm Thu T 13 (*mười ba*) tháng 18 (*mười tám*) ngày cải tạo không giam giữ; khấu trừ 04 (*bốn*) tháng 16 (*mười sáu*) ngày bị tạm giữ, tạm giam (*từ ngày 03/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/8/2017*); quy đổi bằng 13 (*mười ba*) tháng 18 (*mười tám*) ngày cải tạo không giam giữ; đến ngày xét xử sơ thẩm, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. Trả tự do cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ về tội khác. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

1.6 Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h và điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46,

Điều 20, Điều 31 BLHS và khoản 3 Điều 227 BLTTHS; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh X 13 (mười ba) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ; khấu trừ 04 (bốn) tháng 16 (mười sáu) ngày bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 03/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/8/2017); quy đổi bằng 13 (mười ba) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Đến ngày xét xử sơ thẩm, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. Trả tự do cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ về tội khác.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

2. Vật chứng: Áp dụng a khoản 1 điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 máy tính xách tay ASUS màu đen (kèm theo 01 chuột máy tính và 01 bộ sạc máy tính) và số tiền 17.190.000 đồng, trong đó: 10.430.000 đồng thu tại chiếu bạc; thu của các bị cáo 6.760.000 đồng (Đinh Thị N 1.170.000 đồng, Hoàng Thị Ph2 Th 2.530.000 đồng, Trần Thị Tr 650.000 đồng, Phạm Thu T 1.930.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh X 480.000 đồng).

- Trả lại cho Nguyễn Thị Thanh X số tiền 4.208.000 đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/6/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đbp, tỉnh Đb)

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo Hoàng KA, Đinh Thị N, Hoàng Thị Ph2 Th, Trần Thị Tr, Phạm Thu T và Nguyễn Thị Thanh X, mỗi bị cáo pH chịu **200.000** (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/8/2017).

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Đội HSNVCS Công an TPĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh Đb;
- L- u hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung

